



NƯỚC ANH ỨNG PHÓ VỚI KHỦNG HOẢNG BẰNG HỌC THUYẾT KINH TẾ CHÍNH TRỊ NÀO?

CHU THANH VÂN*

Mỗi khi kinh tế thế giới có những biến đổi theo chu kỳ của nó, mà đặc biệt là chu kỳ suy thoái, người ta lại nói nhiều đến các học thuyết về kinh tế. Hiện thế giới vẫn chưa thật sự bước ra được cuộc khủng hoảng kinh tế lần này, thêm vào đó, những diễn biến mới, phức tạp gần đây của những nền kinh tế lớn lại khiến người ta đặt thêm nhiều câu hỏi liên quan đến các học thuyết kinh tế vĩ mô. Kinh tế chính trị quốc tế Anh là một trong những ngành khoa học như thế. Vậy nước Anh đã ứng phó với cuộc khủng hoảng này bằng cách sử dụng học thuyết kinh tế chính trị nào? Bài viết dưới đây phần nào trả lời câu hỏi đó.

Từ “nhà nước với vai trò điều tiết” của Keynes đến “cuộc cách mạng thị trường” của Keith Joseph

Điểm lại tên tuổi những “người khổng lồ” trong các học thuyết kinh tế học, nổi lên trường hợp của Adam Smith, D. Ricardo và John Maynard Keynes, trong đó đáng chú ý nhất là Keynes. Sau chiến tranh thế giới thứ nhất, ông viết cuốn *Những hậu quả kinh tế của hòa bình* và những năm 1920 tiếp tục với *Những hậu quả kinh tế của Ngài Churchill*, phản đối việc đưa nước Anh trở lại bản vị vàng với giá trị đồng bằng vượt quá giá trị thực. Năm 1936, tác phẩm *Lý thuyết chung về việc làm, lãi suất và tiền tệ* ra đời do nạn thất nghiệp ở Anh tràn lan thời

kỳ này đã buộc Keynes chuyển hướng nghiên cứu từ thương mại sang “toàn dụng nhân công”. Tác phẩm này sau đó đã được hoan nghênh và chào đón nhiệt liệt hơn tại Mỹ và là cẩm nang thoát khỏi đói nghèo tại các nước thế giới thứ ba, đặc biệt ở Ấn Độ dưới thời Nehru. Giai đoạn chiến tranh thế giới thứ hai, ông là một trong những người thiết lập Hệ thống Bretton Woods, từ đó tiếp tục thành lập Ngân hàng Thế giới (WB) và Quỹ Tiền tệ quốc tế (IMF), song song với những nỗ lực chống lại sự suy yếu của Anh trước Mỹ thời kỳ này. Vai trò và ảnh hưởng của Keynes đặc biệt được khẳng định tại Mỹ dưới thời các Tổng thống Kennedy và Johnson. Nó chứng tỏ rằng nền kinh tế có thể được vận hành

* ThS., Đại học Quốc gia Hà Nội.

êm thấm thông qua các công cụ quản lý kinh tế vĩ mô và các công cụ tài khóa về chi tiêu và thuế...

Keynes không phải trường hợp duy nhất chứng minh tư duy kinh tế tài chính Anh có ảnh hưởng mạnh mẽ bên ngoài đảo quốc. Keith Joseph, người bạn chính trị thân thiết của Margaret Thatcher, đã tạo nên cuộc cách mạng mới trong vận hành nền kinh tế vĩ mô của Vương quốc. "Tạo nên sự thịnh vượng" trở thành cụm từ ưa thích của ông, nhưng đây phải là thịnh vượng quốc gia chứ không phải cá nhân. Mục tiêu của ông là điều hành nhà nước để tạo nên một thể hệ thịnh vượng chứ không phải trợ cấp thất nghiệp. Xét trong bối cảnh thế giới đang bước vào suy thoái trầm trọng sau khủng hoảng dầu mỏ năm 1973, những tư tưởng của ông về vai trò điều hành kinh tế của nhà nước thực sự rất cách mạng, dù thời bấy giờ bị quy kết là "nổi loạn".

Kinh tế thị trường bằng cách tư nhân hóa phần lớn các hạng mục của đời sống kinh doanh, nhà nước hay chính phủ tách ra khỏi kinh doanh - chỉ đóng vai trò duy trì đảm bảo an ninh, minh bạch môi trường kinh doanh v.v. thực sự đã đạt được những thành công nhất định ở Anh và đến nay vẫn còn nguyên giá trị, dẫn đến sự bùng phát kinh tế thị trường và từ bỏ kiểu nhà nước "vú em" trên toàn thế giới. Sự kiên định của Thatcher và Keith Joseph đã làm được nhiều hơn những gì họ muốn, và ngày nay vẫn còn lưu dấu đậm nét trong tư duy điều hành nền kinh tế, chính phủ và chính trị của các thủ lĩnh Đảng Bảo thủ hiện thời. Hãy nhìn lại cách người Anh vượt qua khủng hoảng tài chính toàn cầu 2008 - 2009 và sự tách bạch khỏi mối phiến toái Hy Lạp trong Liên minh châu Âu (EU) năm 2015 để thấy lý thuyết của họ đúng đến mức nào, ít nhất là trong bối cảnh khu vực và thế giới hiện nay.

Nước Anh vượt qua khủng hoảng bằng cách nào?

Khủng hoảng tài chính - kinh tế năm 2008 đã gây ra nhiều xáo động trong các nền kinh tế lớn nhỏ trên toàn cầu, kéo theo sự suy thoái kinh tế thế giới trong nhiều năm, làm giảm cung cầu xuất nhập khẩu hàng hóa. Hệ lụy tất yếu của suy giảm mậu dịch là việc ứng dụng lý thuyết "toàn dụng nhân công" của Keynes trở nên bất khả thi. Tuy nhiên,



một lần nữa nước Anh lại chứng tỏ khả năng phá vỡ thần kỳ bằng cách dựa vào thể mạnh khác của đảo quốc: xuất nhập khẩu các dịch vụ tài chính. Thật vậy, mặc dù kim ngạch xuất khẩu (có tới 60% lượng hàng hóa của Anh được xuất sang Mỹ và EU, vốn là những "điểm nóng" trong khủng hoảng) suy giảm, nhưng riêng xuất khẩu tài chính của Anh vẫn duy trì tăng trưởng liên tục, dù với tốc độ thấp hơn trước khủng hoảng. Mặt khác, trong thời gian khủng hoảng, Chính phủ Anh đã nỗ lực chủ động giảm giá đồng bảng để giúp hạn chế nhập khẩu. Kinh nghiệm dày dạn trên thị trường tài chính toàn cầu đã giúp nước Anh phản ứng rất linh hoạt trước mọi kiểu khó khăn, dù xuất hiện bất ngờ và thường gây lúng túng cho đối tác khác. Bên cạnh đó, không thể không kể đến chính sách "thắt lưng buộc bụng" và nỗ lực cắt giảm chi tiêu công để tránh khủng hoảng nợ công bùng phát. Như vậy, sự can thiệp khẩn trương, quyết liệt của Chính phủ cùng các công cụ của nó hoàn toàn khác xa những biểu hiện của kinh tế chính trị Keith Joseph thời kỳ trước.

Bài học về trợ giúp hệ thống ngân hàng, duy trì mức lãi suất thấp, hướng đến đào tạo chuyên sâu và cấp cao để đáp ứng tốt hơn các thị trường dịch vụ khác nhau nhằm bảo đảm và duy trì phát triển bền vững... nhanh chóng được cả thế giới học theo. Ví dụ điển hình là quyết định chi tới 700 tỉ USD của Quốc hội Hoa Kỳ khi thông qua Đạo luật ổn định kinh tế khẩn cấp 2008. Ngay sau đó, ngày 10/4/2009, Nhật Bản thông qua gói kích thích trị giá 150 tỉ USD nhằm phục hồi kinh tế sau

khủng hoảng. Đặc biệt, ngày 12/10/2008, nhất trí với kế hoạch cứu hệ thống ngân hàng của Thủ tướng Anh, lãnh đạo 15 quốc gia thuộc Eurozone đã nhóm họp và thông qua kế hoạch hành động chung, trước khi chấp thuận bơm 1800 tỉ USD cứu khu vực¹. Trong những diễn biến mới nhất, đến nay, cả EU gần như ngấm ngấm nhìn về phía đảo quốc, theo sát sự phục hồi kinh tế ngoạn mục của nước này, và cũng hoàn toàn nhất trí rằng EU nên đầu tư phát triển các loại hình dịch vụ cung cấp cho thế giới hiện đại. Suy cho cùng, công xưởng của thế giới nay đã được di dời sang các châu lục nghèo hơn, đông dân hơn; và ngày nay thị trường hàng hóa gần như đã bão hòa.

Vị trí của Anh trong kinh tế chính trị quốc tế ngày nay

Năm 2014 đánh dấu bước tiến quan trọng của nước Anh trong nền kinh tế thế giới khi từ vị trí là nền kinh tế đứng thứ 7 (năm 2013) toàn cầu lên chiếm vị trí thứ 6 của Pháp. Điều này được cho là nhờ chính sách cắt giảm chi tiêu công, hạn chế nhập cư và khuyến khích tạo việc làm của chính phủ. Thắng lợi này lập tức trở thành chỗ dựa cho đương kim Thủ tướng David Cameron trước tổng tuyển cử 2015 và tiếp tục trở thành nguyên nhân chiến thắng áp đảo của Đảng Bảo thủ trước các phe đối lập hồi tháng 5, khi Ủy ban Bầu cử Anh công bố Đảng này đã giành được 329 trong tổng số 650 ghế tại Hạ viện, vượt mức quá bán (326 ghế) để có thể đơn phương thành lập chính phủ mới mà không cần liên minh với bất kỳ đảng nào như kỳ bầu cử năm 2010.

Không khó để nhận thấy những ảnh hưởng của Keith Joseph vẫn rất rõ nét trong cách quản lý và điều hành kinh tế của "những cái đầu Bảo thủ". Một mặt, các Chính phủ Anh, từ thời Thatcher, John Major và nay là David Cameron, đều cố gắng ổn định nền kinh tế trong nước bằng cách thúc đẩy kinh tế tư nhân, từ chối đánh thuế hoặc tăng thuế đánh vào lớp người giàu, tiết kiệm chi tiêu công, v.v., mặt khác, hạn chế dân nhập cư tìm cách tiếp cận phúc lợi Anh, và nhất là duy trì vị thế chiến lược của đồng bảng Anh, tách bạch khỏi đồng euro dù đã tham gia EU từ 1973. Bất chấp các phản đối và chỉ trích từ thành viên nội khối EU, đặc biệt là

những "ông lớn" như Đức, Pháp, Italia và Tây Ban Nha, người Anh vẫn kiên định với đường lối "hội nhập khu vực" rất riêng của mình, chủ yếu để né các ràng buộc và sự sa lầy kinh tế không có lợi cho họ. Kỳ lạ là họ đã đúng, ít nhất trong bối cảnh hiện tại khi vấn đề nhập cư và khủng hoảng nợ Hy Lạp đang khiến cả châu Âu "phát điên".

Sự phản đối đồng euro đã mạnh mẽ từ trước khi Hy Lạp tuyên bố vỡ nợ. Cuối tháng 1/2015, Viện Nghiên cứu về chính trị, kinh tế và xã hội châu Âu (Eurispes) công bố kết quả một nghiên cứu cho thấy có tới 40,1% dân Italia muốn nước mình rút khỏi Khu vực đồng euro và quay lại sử dụng đồng lira. Đáng chú ý là năm 2013, tỉ lệ số người phản đối đồng euro mới chỉ là 25,7%². Nhìn vào bức tranh kinh tế, Italia đang đứng trước nguy cơ không nhỏ. Trong bối cảnh trật tự an ninh xã hội và nền chính trị luôn bất ổn, những suy thoái triền miên về kinh tế như thế này khiến lòng dân càng ngày càng rời xa Chính phủ. Tuy nhiên, hiểm họa không dừng ở đó. Xét trong bối cảnh rộng hơn là sự tương thích với các điều kiện và chính sách của EU, Italia cũng đang dần trở nên đuối sức. Lấy ví dụ là chính sách tị nạn theo Hiệp ước Lisbon của EU. Theo Hiệp ước này, các nước thành viên EU không có quyền từ chối tị nạn nếu người tị nạn đặt chân lên lãnh thổ của họ đầu tiên. Vì suy thoái và lâm vào cảnh nợ nần, Italia cũng như Hy Lạp ít có khả năng cứu mang dân tị nạn. Nhưng nguy cơ thành phần nhập cư bất đắc dĩ này không phải không có nếu xét trong bối cảnh chiến trường Đông Ucraina đang ở rất gần, cũng như nguy cơ vỡ trận không như mong muốn của EU rất cao. Mặc dù Ủy ban về vấn đề Tị nạn của EU đang cố gắng điều chuyển dòng người về các quốc gia giàu có và ổn định hơn như Anh và Thụy Điển, nhưng các nước giàu lại quyết liệt phản đối và không hỗ trợ động thái này, dẫn đến gia tăng mâu thuẫn trong nội bộ EU. Sau "cú sốc" Hy Lạp những ngày đầu tháng 7/2015 vừa qua, làn sóng phản đối đồng euro lại một lần nữa dấy lên ở khắp EU.

Trở lại với trường hợp của Anh và vị trí đảo quốc trong nền kinh tế khu vực và thế giới, có lẽ phải nhắc lại một nhận định về châu Âu của John

Maynard Keynes từ 1911: "Anh vẫn đứng ngoài châu Âu. Những chấn động tại lục địa không thể vươn tới đảo quốc. Châu Âu cách xa đảo quốc và không phải là máu thịt trong cơ thể nó, nhưng châu Âu rắn mạnh bên cạnh nó"³. Hơn một thế kỷ sau, nhận định này vẫn giữ nguyên giá trị.

Dự báo các chính sách và chiến lược của Anh với EU trong thời kỳ tới không phải vấn đề đơn giản. Nhìn lại các chính sách kinh tế chính trị trong nhiệm kỳ đầu của Thủ tướng David Cameron, người ta dễ dàng nhận ra sự phản ứng linh hoạt của chính quyền trước những biến động liên tục và bất ngờ của nền kinh tế thế giới và châu lục. Trước tổng tuyển cử năm 2015, xác định rõ châu Âu khủng hoảng sẽ làm nguồn vốn của Anh bị sa lầy trong ngắn hạn, và các chi tiêu công cùng lúc bị đẩy lên cao do áp lực đóng góp cho EU, Cameron không ngừng kêu gọi tách ra khỏi EU, như một động thái nhằm giành phiếu từ cử tri. Tuy nhiên, ngay sau khi tái đắc cử, trước áp lực của các doanh nghiệp nước ngoài và các ngân hàng lớn của các nước đồng minh, nhiều nhất là Đức, đòi thoát vốn khỏi Anh nếu nước này tiếp tục có thái độ không tích cực với "người ngoài", David Cameron đã trở nên mềm mỏng hơn, chủ động lùi thời gian tổ chức trưng cầu ý dân về việc nước Anh ra khỏi hay ở lại EU sang năm 2017. Chính sách với dân nhập cư cũng lập tức được cải thiện, bằng chứng là lời hứa chia sẻ gánh nặng từ người di cư Xyri với các nước lớn của EU. Từ sâu trong tiềm thức, người Anh đã rất hiểu rằng mối quan hệ với châu Âu tốt hơn cả chỉ nên là đồng minh, là bạn tốt, nhưng không thể là anh em. Vậy nên, dù đã là một thành viên của EU nhưng Anh quốc vẫn giữ khoảng cách với lục địa như khoảng cách địa lý cố hữu tạo bởi tự nhiên. Nhiều người cố giải mã các hệ tư tưởng và lối tư duy của người Anh để tìm ra mẫu số chung cho phản ứng của họ trước mỗi biến động trên chính trường thế giới và trong quan hệ đối ngoại với các nước khác nhưng đều chưa có câu trả lời thỏa đáng. Chỉ có điều này ai cũng phải thừa nhận - đó là người Anh phản ứng rất linh hoạt và khôn khéo trong quan hệ với thế giới bên ngoài. Giữa Mỹ và EU, họ sẽ ngã về bên nào nhiều hơn còn tùy vào sức mạnh của các bên và cục diện thế giới, cũng như việc họ có thể tận dụng ra sao các

sức mạnh ấy. Đó là lý do trong chiến tranh Anh kết liên minh với Mỹ - cường quốc quân sự số một trên hoàn cầu, nhưng khi thời bình đến, khi phát hiện châu Âu bên cạnh đang phát triển như vũ bão về hợp tác kinh tế thì nước này lại lập tức ngã về EU. Có thể nói, dân Ánglê đã vận dụng linh hoạt, tinh táo các luận điểm của học thuyết hiện thực và tự do trong quan hệ quốc tế để mang về lợi ích lớn nhất cho mình. Nhìn từ góc độ này, chưa chắc người Anh đã thua kém ai trên trường quốc tế. Và lịch sử đã chứng minh Vương quốc Anh có cả nền kinh tế lẫn những đầu óc tư duy chiến lược làm kinh tế tốt nhất mọi thời đại, đủ để một đảo quốc nhỏ bé liên tục lớn mạnh bền bỉ qua nhiều thế kỷ bên cạnh những người "khổng lồ" như Mỹ, Pháp, Đức... và hiện nay vẫn là nền kinh tế hàng đầu châu Âu và thế giới.

Nhìn lại quá trình phát triển và cách thức vượt qua khó khăn của nước Anh, chúng ta có thể học được nhiều bài học quý giá. Thứ nhất, công tác dự báo và định hướng tầm nhìn phải tốt, phù hợp với thế mạnh của mình và tranh thủ được thời cơ từ các biến động trên trường quốc tế. Thứ hai, phải liên tục nỗ lực giảm nợ công đồng thời đầu tư hướng đến phát triển bền vững, như giáo dục, đào tạo nhân công bậc cao, lành nghề và chú ý đến các vấn đề môi trường... Thứ ba, phải theo sát các hoạt động của ngân hàng và thị trường tài chính, duy trì mức lãi suất thấp để kích thích vay đầu tư cho phát triển. Mặc dù chưa gặp những khó khăn lớn như các nền kinh tế đồ sộ của thế giới trong khủng hoảng tài chính vừa qua, Việt Nam vẫn nên cẩn trọng ở tương lai. ☉

1. Đỗ Tá Khánh, *Chính sách phát triển của Vương quốc Anh sau suy thoái kinh tế toàn cầu 2008 và kinh nghiệm cho Việt Nam*, Nxb. Khoa học xã hội, 2013.

2. Chu Thanh Vân, "Cục diện châu Âu đầu năm 2015 - Tiềm ẩn nguy cơ chia rẽ", *Tạp chí Đối ngoại*, tháng 3/2015, tr.27.

3. Andrew Gamble, *Between Europe and America - The future of British politics*, Palgrave Macmillan Press, 2003.